TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/02/2021.

V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Loan Em**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn*"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Lâm Hoàng N**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị Trang trình bày:

Chị và anh N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/4/2009; chị và anh N không có con chung. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh N; con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Lâm Hoàng N:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy chị Lý Thị T và anh Lâm Hoàng N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/4/2009 phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa chị T cương quyết ly hôn. Mặt khác trong thời gian anh, chị không còn sống chung từ năm 2018 đến nay không hàn gắn được; do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh N không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị Trang phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Lý Thị T** và anh **Lâm Hoàng N**.

- Về con chung: Chị T và anh N không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008466 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 ngày 25 tháng 02 năm 2021.

Tại trụ sở: Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 303/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Lý Thị Trang**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Anh **Lâm Hoàng Na**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Thuận, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng điều luật và các nội dung như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Lý Thị Trang** và anh **Lâm Hoàng Na**.
- Về con chung: Chị Trang và anh Na không có con chung, nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: chị Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008466 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc 14 giờ 50 cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA